

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 293/QĐ-ĐHTL ngày 01 tháng 03 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy Lợi)

### A. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : **Tài chính doanh nghiệp**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

Mã số : **7340201**

Loại hình đào tạo : **Chính quy**

#### 1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, tài chính và quản trị kinh doanh, đặc biệt là có kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp; có kỹ năng làm việc và đáp ứng nhu cầu hội nhập - quốc tế hóa; có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp với những mục tiêu cụ thể như sau:

- **Mục tiêu 1:** Trang bị cho người học kiến thức căn bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng – an ninh, đường lối phát triển của Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam.
- **Mục tiêu 2:** Trang bị cho người học kiến thức nền tảng để có thể làm việc trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh, bao gồm kiến thức về kinh tế học, toán học, tin học, tài chính, quản lý và kinh doanh.
- **Mục tiêu 3:** Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu về tài chính – ngân hàng, tài chính doanh nghiệp.
- **Mục tiêu 4:** Rèn luyện các kỹ năng cá nhân để làm việc trong môi trường kinh tế, tài chính và kinh doanh, bao gồm: kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, kỹ năng tư duy hệ thống.
- **Mục tiêu 5:** Rèn luyện kỹ năng giao tiếp để làm việc trong môi trường kinh tế, tài chính và kinh doanh, bao gồm: kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ngoại ngữ.
- **Mục tiêu 6:** Người học có năng lực tự chủ và trách nhiệm được thể hiện thông qua khả năng làm việc độc lập, thái độ làm việc đúng đắn và chịu trách nhiệm trước công việc; có ý thức học tập, nâng cao kiến thức theo tinh thần học tập suốt đời.

##### 1.3 Vị trí công việc sau khi tốt nghiệp

(1) Chuyên viên ở các vị trí có liên quan tới tài chính tại các cơ quan lý nhà nước về Tài chính từ Trung ương đến địa phương, như: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch – Đầu tư, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước ...

(2) Chuyên viên tại các tổ chức tài chính (ngân hàng, công ty tài chính, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, tổ chức tài chính quốc tế).

(3) Chuyên viên về tài chính doanh nghiệp tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp.

(4) Nghiên cứu viên, trợ giảng liên quan tới tài chính tại viện nghiên cứu hay cơ sở giáo dục đại học.

## **2. Chuẩn đầu ra (PLO)**

### **2.1. Kiến thức**

PLO1: Hiểu biết thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, hệ thống chính trị, về Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật và đường lối phát triển của đất nước, xu hướng vận động của thế giới ngày nay.

PLO2: Áp dụng được kiến thức toán học và tin học trong thực hiện công việc liên quan tới lĩnh vực kinh tế, tài chính và kinh doanh.

PLO3: Áp dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế và kinh doanh trong công việc liên quan tới lĩnh vực kinh tế, tài chính và kinh doanh.

PLO4: Áp dụng thành thạo kiến thức về tài chính - ngân hàng và tài chính doanh nghiệp trong công việc liên quan tới lĩnh vực kinh tế, tài chính và kinh doanh.

### **2.2 Kỹ năng nghề nghiệp**

PLO5: Có khả năng thẩm định tài chính các dự án đầu tư, đánh giá và lựa chọn phương án huy động vốn cho doanh nghiệp.

PLO6: Có khả năng phân tích và đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, phát hiện và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp.

PLO7: Có khả năng lập kế hoạch tài chính, phân phối lợi nhuận và xây dựng cơ chế quản lý tài chính cho doanh nghiệp trên cơ sở nhận diện rủi ro, nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

PLO8: Có khả năng phân tích chứng khoán và định giá tài sản.

### **2.3. Kỹ năng mềm**

PLO9: Có khả năng giải quyết, xử lý các vấn đề chuyên môn một cách độc lập, sáng tạo trong hoạt động kinh tế, tài chính và kinh doanh.

PLO10: Có khả năng tìm kiếm và tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn và lĩnh vực để phát hiện và giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh tế, tài chính và kinh doanh.

PLO11: Có khả năng giải quyết vấn đề trong mối quan hệ tổng thể với các lĩnh vực, tổ chức khác có liên quan.

PLO12: Áp dụng thành thực kỹ năng giao tiếp (thuyết trình, soạn thảo văn bản, đàm phán)

PLO13: Có khả năng hình thành nhóm, phát triển hoạt động và dẫn dắt nhóm.

PLO14: Sử dụng được tiếng Anh trong công việc, đạt bậc 3/6 theo khung trình độ ngoại ngữ quốc gia.

### **2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

PLO15: Chủ động xây dựng kế hoạch và chương trình làm việc, phân công và điều phối công việc hiệu quả, chịu trách nhiệm trước tổ chức, xã hội và cộng đồng.

PLO16: Có năng lực thích nghi khi môi trường làm việc thay đổi, tự học tập, bồi dưỡng để cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực chuyên môn.

PLO17: Có khả năng khởi nghiệp trong lĩnh vực tài chính và kinh doanh.

PLO18: Ứng xử có văn hóa và chuyên nghiệp, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp, kiên trì, tự tin, nhiệt tình, say mê, chính trực, phản biện.

### 3. Ma trận quan hệ giữa mục tiêu cụ thể và PLO

| Mục tiêu cụ thể | PLO |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|-----------------|-----|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|                 | 1   | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| 1               | X   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 2               |     | X | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 3               |     |   |   | X | X | X | X | X |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 4               |     |   |   |   |   |   |   |   | X | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    |
| 5               |     |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    | X  | X  | X  |    |    |    |    |
| 6               |     |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    | X  | X  | X  | X  |

#### 4. Ma trận quan hệ giữa chương trình đào tạo và PLO

| TT | Học phần (Tiếng Việt)                | Tín chỉ | CHUẨN ĐẦU RA |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|--------------------------------------|---------|--------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                      |         | 1            | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| 1  | Pháp luật đại cương                  | 2       | X            |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 2  | Triết học Mác - Lênin                | 3       | X            |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 3  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin        | 2       | X            |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 4  | Chủ nghĩa xã hội khoa học            | 2       | X            |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 5  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam       | 2       | X            |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 6  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                 | 2       | X            |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 7  | Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp | 3       |              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    | X  | X  |    |    |    | X  |    |
| 8  | Toán cho các nhà kinh tế             | 3       |              | X |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 9  | Tin học cơ bản                       | 2       |              | X |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 10 | Xác suất thống kê                    | 3       |              | X |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 11 | Tiếng Anh 1                          | 3       |              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    | X  |    |    |    |    |
| 12 | Tiếng Anh 2                          | 3       |              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    | X  |    |    |    |    |
| 13 | Nguyên lý kinh tế vi mô              | 3       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 14 | Nguyên lý kinh tế vĩ mô              | 3       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 15 | Marketing căn bản                    | 3       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 16 | Pháp luật kinh tế                    | 2       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 17 | Nguyên lý thống kê                   | 3       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 18 | Quản trị học                         | 2       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 19 | Tài chính - Tiền tệ                  | 2       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 20 | Nguyên lý kế toán                    | 3       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 21 | Tài chính công                       | 3       |              |   |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |

| TT | Học phần (Tiếng Việt)             | Tín chỉ | CHUẨN ĐẦU RA |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|-----------------------------------|---------|--------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                   |         | 1            | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| 22 | Công nghệ Tài chính               | 3       |              | X |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 23 | Bảo hiểm                          | 3       |              |   |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 24 | Thị trường chứng khoán            | 2       |              |   |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 25 | Kinh tế lượng                     | 2       |              | X | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 26 | Soạn thảo văn bản kinh doanh      | 2       |              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    | X  |    |    |    |    |    |    |
| 27 | Văn hóa doanh nghiệp              | 2       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    | X  |    |    |    | X  | X  |
| 28 | Kỹ năng đàm phán                  | 2       |              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    | X  |    |    |    |    |    |    |
| 29 | Tài chính doanh nghiệp            | 3       |              |   |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 30 | Quản trị tài chính doanh nghiệp   | 3       |              |   |   | X |   |   | X |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 31 | Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính  | 3       |              |   |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    | X  |    |    |    |    |
| 32 | Tài chính quốc tế                 | 3       |              |   |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 33 | Phân tích tài chính               | 3       |              |   |   | X |   | X |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 34 | Phân tích và đầu tư chứng khoán   | 3       |              |   |   | X |   |   |   | X |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 35 | Chuyên đề tài chính doanh nghiệp  | 3       |              |   |   | X |   |   | X |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 36 | Thuế                              | 3       |              |   |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 37 | Thẩm định tài chính dự án         | 3       |              |   |   | X | X |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 38 | Định giá tài sản                  | 3       |              |   |   | X |   |   |   | X |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 39 | Tín dụng ngân hàng                | 3       |              |   |   | X | X |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 40 | Quản trị dòng tiền                | 3       |              |   |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 41 | Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh | 3       |              | X | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 42 | Thương mại điện tử căn bản        | 2       |              | X | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 43 | Khởi nghiệp                       | 2       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | X  |    |
| 44 | Quản trị tài chính quốc tế        | 2       |              |   |   | X |   | X |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |

| TT | Học phần (Tiếng Việt)             | Tín chỉ | CHUẨN ĐẦU RA |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|-----------------------------------|---------|--------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                   |         | 1            | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| 45 | Thanh toán quốc tế                | 2       |              |   |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 46 | Kế toán quản trị                  | 3       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 47 | Kiểm toán căn bản                 | 3       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 48 | Chứng khoán phái sinh             | 3       |              |   |   | X |   |   |   | X |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 49 | Các khoản đầu tư thay thế         | 3       |              |   |   | X |   |   |   | X |   |    |    |    |    |    | X  |    |    |    |
| 50 | Quản trị rủi ro tài chính         | 3       |              | X |   | X |   |   | X |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 51 | Phân tích dữ liệu tài chính với R | 3       |              | X |   | X |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 52 | Mua bán và sáp nhập               | 3       |              |   |   | X | X |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 53 | Quản trị chiến lược               | 3       |              |   | X |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    | X  |    |    |    |
| 54 | Thực tập nghề nghiệp              | 3       | X            | X | X | X | X | X | X | X | X | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  |    | X  |
| 55 | Khóa luận tốt nghiệp              | 7       | X            | X | X | X | X | X | X | X | X | X  | X  | X  |    |    | X  | X  |    | X  |

## **5. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

- Thời gian đào tạo là 4 năm, gồm 8 học kỳ, đã bao gồm cả giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và thực tập trong môi trường làm việc thực tế.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ bao gồm cả 10 tín chỉ làm khóa luận tốt nghiệp.

## **6. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện đầu vào**

- Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương.

## **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **7.1. Quy trình đào tạo**

- Đào tạo theo học chế tín chỉ, chương trình bố trí thành 8 học kỳ, mỗi năm có 2 kỳ chính, hai kỳ song song và 1 kỳ hè. Mỗi học kỳ chính có ít nhất 16 tuần thực học và 4 tuần thi, kiểm tra. Học kỳ song song và học kỳ hè giành cho sinh viên học lại các học phần không đạt ở kỳ chính và cho các sinh viên học giỏi có điều kiện học vượt để kết thúc sớm chương trình học tập; mỗi kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, kiểm tra;

- Những sinh viên có đủ điều kiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy được phép lựa chọn các môn học vượt nhưng phải đảm bảo tính logic của chương trình và được Khoa chấp nhận.

### **7.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Việc làm Đồ án tốt nghiệp cuối khóa học, xét và cấp bằng tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành tại Thông tư số 08/2021/TT - BGDDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **8. Cách thức đánh giá**

Được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học ban hành tại Thông tư số 08/2021/TT - BGDDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cách thức đánh giá được cụ thể hóa trong từng học phần/môn học.

## 9. Khung chương trình

| TT         | Môn học (Tiếng Việt)                 | Môn học (Tiếng Anh)                       | Mã môn học | Bộ môn Quản lý                 | Tín chỉ   | HK1 | HK2 | HK3 | HK4 | HK5 | HK6 | HK7 | HK8 |
|------------|--------------------------------------|-------------------------------------------|------------|--------------------------------|-----------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| <b>I</b>   | <b>GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>            | <b>GENERAL EDUCATION</b>                  |            |                                | <b>30</b> |     |     |     |     |     |     |     |     |
| <b>I.1</b> | <b>Lý luận chính trị</b>             | <b>Political Subjects</b>                 |            |                                | <b>13</b> |     |     |     |     |     |     |     |     |
| 1          | Pháp luật đại cương                  | General Law                               | GEL111     | Mác-Lênin                      | 2         | 2   |     |     |     |     |     |     |     |
| 2          | Triết học Mác - Lênin                | Marxist-Leninist Philosophy               | MLP121     | Mác-Lênin                      | 3         | 3   |     |     |     |     |     |     |     |
| 3          | Kinh tế chính trị Mác - Lênin        | Marxist-Leninist Political Economy        | MLPE222    | Mác-Lênin                      | 2         |     | 2   |     |     |     |     |     |     |
| 4          | Chủ nghĩa xã hội khoa học            | Science socialism                         | SCSO232    | Mác-Lênin                      | 2         |     |     |     | 2   |     |     |     |     |
| 5          | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam       | History of the Communist Party of Vietnam | HCPV343    | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2         |     |     |     |     | 2   |     |     |     |
| 6          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                 | Ho Chi Minh Thought                       | HCMT354    | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2         |     |     |     |     |     | 2   |     |     |
| <b>I.2</b> | <b>Kỹ năng</b>                       | <b>Communication Skills</b>               |            |                                | <b>3</b>  |     |     |     |     |     |     |     |     |
| 7          | Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp | Soft Skills and Entrepreneurship          | COPS 111   | Phát triển kỹ năng             | 3         | 3   |     |     |     |     |     |     |     |
| <b>I.3</b> | <b>Khoa học tự nhiên và tin học</b>  | <b>Natural Science &amp; computer</b>     |            |                                | <b>8</b>  |     |     |     |     |     |     |     |     |
| 8          | Toán cho các nhà kinh tế             | Mathematics for Economists                | ORE316     | Toán học                       | 3         | 3   |     |     |     |     |     |     |     |
| 9          | Tin học cơ bản                       | Introduction to Informatics               | CSE100     | Tin học và kỹ thuật tính toán  | 2         |     | 2   |     |     |     |     |     |     |



| TT            | Môn học (Tiếng Việt)              | Môn học (Tiếng Anh)               | Mã môn học | Bộ môn Quản lý      | Tín chỉ     | HK1       | HK2       | HK3       | HK4       | HK5       | HK6 | HK7 | HK8 |
|---------------|-----------------------------------|-----------------------------------|------------|---------------------|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----|-----|-----|
| 10            | Xác suất thống kê                 | Probability and Statistics        | MATH253    | Toán học            | 3           |           |           | 3         |           |           |     |     |     |
| <b>I.4</b>    | <b>Tiếng Anh</b>                  | <b>English</b>                    |            |                     | <b>6</b>    |           |           |           |           |           |     |     |     |
| 11            | Tiếng Anh 1                       | English 1                         | ENG213     | Tiếng Anh           | 3           |           |           | 3         |           |           |     |     |     |
| 12            | Tiếng Anh 2                       | English 2                         | ENG224     | Tiếng Anh           | 3           |           |           |           | 3         |           |     |     |     |
| <b>I.5</b>    | <b>Giáo dục quốc phòng</b>        | <b>National Defence Education</b> |            |                     | <b>165t</b> | <b>8*</b> |           |           |           |           |     |     |     |
| <b>I.6</b>    | <b>Giáo dục thể chất</b>          | <b>Physical Education</b>         |            |                     | <b>5*</b>   | <b>1*</b> | <b>1*</b> | <b>1*</b> | <b>1*</b> | <b>1*</b> |     |     |     |
| <b>II</b>     | <b>GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>     | <b>PROFESSIONAL EDUCATION</b>     |            |                     | <b>100</b>  |           |           |           |           |           |     |     |     |
| <b>II.1</b>   | <b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b> | <b>Foundation Subjects</b>        |            |                     | <b>16</b>   |           |           |           |           |           |     |     |     |
| 13            | Nguyên lý kinh tế vi mô           | Principles of Microeconomics      | ECON102    | Kinh tế             | 3           | 3         |           |           |           |           |     |     |     |
| 14            | Nguyên lý kinh tế vĩ mô           | Principles of Macroeconomics      | ECON103    | Kinh tế             | 3           |           | 3         |           |           |           |     |     |     |
| 15            | Marketing căn bản                 | Principles of Marketing           | BACU102    | Quản trị kinh doanh | 3           |           | 3         |           |           |           |     |     |     |
| 16            | Pháp luật kinh tế                 | Economic - Financial Law          | ELAW204    | Kinh tế             | 2           |           |           | 2         |           |           |     |     |     |
| 17            | Nguyên lý thống kê                | Principles of Statistics          | BACU203    | Quản trị kinh doanh | 3           |           |           | 3         |           |           |     |     |     |
| 18            | Quản trị học                      | Management                        | BACU101    | Quản trị kinh doanh | 2           |           |           | 2         |           |           |     |     |     |
| <b>II.2</b>   | <b>Cơ sở ngành</b>                | <b>Core Subjects</b>              |            |                     | <b>22</b>   |           |           |           |           |           |     |     |     |
| <b>II.2.1</b> | <b>Kiến thức bắt buộc</b>         | <b>Compulsory</b>                 |            |                     | <b>18</b>   |           |           |           |           |           |     |     |     |
| 19            | Tài chính - Tiền tệ               | Basics of Money and Finance       | ACC101     | Tài chính           | 2           | 2         |           |           |           |           |     |     |     |

| TT            | Môn học (Tiếng Việt)             | Môn học (Tiếng Anh)                | Mã môn học | Bộ môn Quản lý      | Tín chỉ   | HK1 | HK2 | HK3 | HK4 | HK5      | HK6 | HK7 | HK8 |
|---------------|----------------------------------|------------------------------------|------------|---------------------|-----------|-----|-----|-----|-----|----------|-----|-----|-----|
| 20            | Nguyên lý kế toán                | Accounting Principles              | ACC102     | Kế toán             | 3         |     | 3   |     |     |          |     |     |     |
| 21            | Tài chính công                   | Public Finance                     | FIN211     | Tài chính           | 3         |     |     | 3   |     |          |     |     |     |
| 22            | Công nghệ Tài chính              | Financial Technology               | FIN221     | Tài chính           | 3         |     |     |     | 3   |          |     |     |     |
| 23            | Bảo hiểm                         | Insurance                          | FIN222     | Tài chính           | 3         |     |     |     | 3   |          |     |     |     |
| 24            | Thị trường chứng khoán           | Stock Market                       | FIN311     | Tài chính           | 2         |     |     |     |     | 2        |     |     |     |
| 25            | Kinh tế lượng                    | Econometrics                       | ECON207    | Kinh tế             | 2         |     |     |     | 2   |          |     |     |     |
| <b>II.2.2</b> | <b>Kiến thức tự chọn</b>         | <b>Elective Units</b>              |            |                     | <b>4</b>  |     |     |     |     | <b>4</b> |     |     |     |
| 26            | Soạn thảo văn bản kinh doanh     | Writing skills in Business         | ACC104     | Kế toán             | 2         |     |     |     |     | 2        |     |     |     |
| 27            | Văn hóa doanh nghiệp             | Corporate Culture                  | BAEU305    | Quản trị kinh doanh | 2         |     |     |     |     | 2        |     |     |     |
| 28            | Kỹ năng đàm phán                 | Negotiation Skills                 | NS214      | Phát triển kỹ năng  | 2         |     |     |     |     | 2        |     |     |     |
| <b>II.3</b>   | <b>Kiến thức ngành</b>           | <b>Core Units</b>                  |            |                     | <b>52</b> |     |     |     |     |          |     |     |     |
| <b>II.3.1</b> | <b>Kiến thức bắt buộc</b>        | <b>Compulsory</b>                  |            |                     | <b>33</b> |     |     |     |     |          |     |     |     |
| 29            | Tài chính doanh nghiệp           | Corporate Finance                  | ACC427     | Tài chính           | 3         |     | 3   |     |     |          |     |     |     |
| 30            | Quản trị tài chính doanh nghiệp  | Financial Management               | ACC103     | Tài chính           | 3         |     |     |     | 3   |          |     |     |     |
| 31            | Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính | English for Finance                | FIN212     | Tài chính           | 3         |     |     |     | 3   |          |     |     |     |
| 32            | Tài chính quốc tế                | International Finance              | FIN312     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     | 3        |     |     |     |
| 33            | Phân tích tài chính              | Financial Analysis                 | FIN313     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     | 3        |     |     |     |
| 34            | Phân tích và đầu tư chứng khoán  | Securities Analysis and Investment | FIN321     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          | 3   |     |     |
| 35            | Chuyên đề tài chính doanh nghiệp | Seminars in Corporate Finance      | FIN322     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          | 3   |     |     |

| TT            | Môn học (Tiếng Việt)                   | Môn học (Tiếng Anh)                     | Mã môn học | Bộ môn Quản lý      | Tín chỉ   | HK1 | HK2 | HK3 | HK4 | HK5      | HK6      | HK7      | HK8 |
|---------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|------------|---------------------|-----------|-----|-----|-----|-----|----------|----------|----------|-----|
| 36            | Thuế                                   | Taxation                                | FIN323     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          | 3        |          |     |
| 37            | Thẩm định tài chính dự án              | Project Evaluation                      | FIN411     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          |          | 3        |     |
| 38            | Định giá tài sản                       | Asset Valuation                         | FIN412     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          |          | 3        |     |
| 39            | Tín dụng ngân hàng                     | Bank Credit                             | FIN413     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          |          | 3        |     |
| <b>II.3.1</b> | <b>Kiến thức tự chọn</b>               | <b>Elective Units</b>                   |            |                     | <b>19</b> |     |     |     |     | <b>3</b> | <b>7</b> | <b>9</b> |     |
| 40            | Quản trị dòng tiền                     | Cash Management                         | FIN314     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     | 3        |          |          |     |
| 41            | Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh      | Artificial Intelligence in Business     | FIN315     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     | 3        |          |          |     |
| 42            | Thương mại điện tử căn bản             | Fundamentals of Electronic Commerce     | BACU206    | Thương mại điện tử  | 2         |     |     |     |     |          | 2        |          |     |
| 43            | Khởi nghiệp                            | Business Startup                        | BAEU201    | Quản trị kinh doanh | 2         |     |     |     |     |          | 2        |          |     |
| 44            | Quản trị tài chính quốc tế             | Multinational Financial Management      | FIN324     | Tài chính           | 2         |     |     |     |     |          | 2        |          |     |
| 45            | Thanh toán quốc tế                     | International Payment                   | FIN325     | Tài chính           | 2         |     |     |     |     |          | 2        |          |     |
| 46            | Kế toán quản trị                       | Managerial Accounting                   | ACC401     | Kế toán             | 3         |     |     |     |     |          | 3        |          |     |
| 47            | Kiểm toán căn bản                      | Principles of Auditing                  | ACC303     | Kế toán             | 3         |     |     |     |     |          | 3        |          |     |
| 48            | Chứng khoán phái sinh                  | Derivatives                             | FIN326     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          | 3        |          |     |
| 49            | Các khoản đầu tư thay thế              | Alternative Investments                 | FIN414     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          |          | 3        |     |
| 50            | Quản trị rủi ro tài chính              | Financial Risk Management               | FIN415     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          |          | 3        |     |
| 51            | Phân tích dữ liệu tài chính với R      | Financial Data Analysis with R          | FIN416     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          |          | 3        |     |
| 52            | Mua bán và sáp nhập                    | Merger and Acquisition                  | FIN417     | Tài chính           | 3         |     |     |     |     |          |          | 3        |     |
| 53            | Quản trị chiến lược                    | Strategy Management                     | BACU316    | Quản trị kinh doanh | 3         |     |     |     |     |          |          | 3        |     |
| <b>II.4</b>   | <b>Thực tập và học phần tốt nghiệp</b> | <b>Internship and Graduation Thesis</b> |            |                     | <b>10</b> |     |     |     |     |          |          |          |     |

| TT | Môn học (Tiếng Việt)      | Môn học (Tiếng Anh) | Mã môn học | Bộ môn Quản lý | Tín chỉ    | HK1       | HK2       | HK3       | HK4       | HK5       | HK6       | HK7       | HK8       |
|----|---------------------------|---------------------|------------|----------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 54 | Thực tập nghề nghiệp      | Internship          | FIN421     | Tài chính      | 3          |           |           |           |           |           |           |           | 3         |
| 55 | Khóa luận tốt nghiệp      | Graduate Thesis     | FIN422     | Tài chính      | 7          |           |           |           |           |           |           |           | 7         |
|    | <b>Tổng cộng (I + II)</b> | <b>Total (I+II)</b> |            |                | <b>130</b> | <b>16</b> | <b>16</b> | <b>16</b> | <b>19</b> | <b>17</b> | <b>18</b> | <b>18</b> | <b>10</b> |

## 10. Mô tả học phần

| TT         | Mã HP                                       | Tên học phần                                                             | Nội dung cần đạt được từng học phần                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số tín chỉ (LT-BT-TH) |
|------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>I</b>   | <b>GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG-GENERAL EDUCATION</b> |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |
| <b>I.1</b> | <b>Lý luận chính trị-Political Subjects</b> |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |
| 1          | GEL111                                      | Pháp luật đại cương-General Law                                          | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; đồng thời, nghiên cứu những nét khái quát nhất về một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.                                                  | 2 (2-0-0)             |
| 2          | MLP121                                      | Triết học-Philosophy                                                     | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Học phần này có 3 chương bao quát nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.                                                                      | 3 (2-1-0)             |
| 3          | MLPE222                                     | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin-Marxist - Leninist Political Economy      | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nội dung trọng tâm học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản nghĩa; khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin                                                                              | 2 (2-0-0)             |
| 4          | SCSO232                                     | Chủ nghĩa xã hội khoa học-Science Socialism                              | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nội dung trọng tâm về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.                                                                                                                                                                      | 2 (2-0-0)             |
| 5          | HCPV343                                     | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-History of the Communist Party of Vietnam | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.                                                                                                                                    | 2 (2-0-0)             |
| 6          | HCMT354                                     | Tư tưởng Hồ Chí Minh-Ho Chi Minh Ideology                                | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề dân tộc, chủ nghĩa xã hội, đảng cộng sản Việt Nam, đại đoàn kết, đạo đức và con người. | 2 (2-0-0)             |
| <b>I.2</b> | <b>Kỹ năng - Communication Skills</b>       |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |

| TT         | Mã HP                                                     | Tên học phần                                                            | Nội dung cần đạt được từng học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số tín chỉ (LT-BT-TH) |
|------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 7          | COPS111                                                   | Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp - Soft Skills and Entrepreneurship | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp và làm việc nhóm để áp dụng vào trong quá trình học tập và cuộc sống, bước đầu khởi nghiệp.                                                                                                                                                                                                 | 3 (2-1-0)             |
| <b>I.3</b> | Khoa học tự nhiên và tin học - Natural Science & computer |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       |
| 8          | ORE316                                                    | Toán cho nhà kinh tế- Mathematics for Economists                        | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tối ưu hóa, có kỹ năng giải quyết các bài toán tối ưu cơ bản, ứng dụng được các kiến thức đó vào thực tiễn, nhất là trong kinh tế và phát triển kỹ năng giải quyết các bài toán kinh tế đơn giản thông qua việc xây dựng và phân tích mô hình kinh tế. Từ đó có thể đưa ra một số quyết định trong kinh tế.                    | 3 (2-1-0)             |
| 9          | CSE100                                                    | Tin học cơ bản- Introduction to Informatics                             | Học phần giới thiệu về máy tính, hệ điều hành, những kiến thức cơ bản về CNTT, tìm kiếm thông tin. Giới thiệu một số phần mềm trong bộ Microsoft Office: Microsoft Office Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.                                                                                                                                                     | 2 (1-0-1)             |
| 10         | MATH253                                                   | Xác suất thống kê- Probability and Statistics                           | Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về xác suất thống kê: biến cố, các hàm phân phối, các hàm mật độ, biến ngẫu nhiên, kỳ vọng và phương sai của các biến ngẫu nhiên, các hàm phân phối đặc biệt, các mẫu ngẫu nhiên đơn giản, các bài toán ước lượng cho một mẫu và hai mẫu, kiểm định giả thiết cho một mẫu và hai mẫu, hồi quy, tương quan và các ứng dụng của nó. | 3 (2-1-0)             |
| <b>I.4</b> | Tiếng Anh-English                                         |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       |
| 11         | ENG213                                                    | Tiếng Anh I - English I                                                 | Học phần cung cấp và rèn luyện cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản của nửa đầu chương trình B.                                                                                                                                                                                                                                                                | 3 (2-1-0)             |
| 12         | ENG224                                                    | Tiếng Anh II - English II                                               | Học phần cung cấp và rèn luyện cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản của nửa cuối chương trình B.                                                                                                                                                                                                                                                               | 3 (2-1-0)             |

| TT   | Mã HP                                                   | Tên học phần                                           | Nội dung cần đạt được từng học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tín<br>chỉ (LT-<br>BT-TH) |
|------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| I.5  | Giáo dục quốc phòng - National Defence Education        |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                              |
| I.6  | Giáo dục thể chất - Physical Education                  |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                              |
| II   | GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP - PROFESSIONAL EDUCATION         |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                              |
| II.1 | Kiến thức cơ sở khối ngành - Major Foundational Courses |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                              |
| 13   | ECON102                                                 | Nguyên lý kinh tế vi mô- Principles of Microeconomics  | Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về cung cầu và giá cả thị trường và ứng dụng của nó, các lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết người sản xuất, lý thuyết chi phí. Học phần cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về các cấu trúc thị trường khác nhau, thị trường các yếu tố sản xuất và vấn đề thất bại thị trường và vai trò của chính phủ.                                                                                                                                                                                                                    | 3 (2-1-0)                    |
| 14   | ECON103                                                 | Nguyên lý kinh tế vĩ mô - Principles of Macroeconomics | Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, CPI, lạm phát, thất nghiệp, tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế và cách hiểu, vận dụng các chỉ số để phân tích các xu hướng của nền kinh tế. Học phần cũng trang bị các vấn đề về chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá, vận dụng các chính sách này để điều tiết nền kinh tế thị trường. Nguyên lý Kinh tế Vĩ mô cũng giải thích các vấn đề về thất nghiệp và lạm phát, sự đánh đổi giữa thất nghiệp và lạm phát cũng như cách thức giả quyết các vấn đề này đối với nền kinh tế. | 3 (2-1-0)                    |
| 15   | BACU102                                                 | Marketing căn bản - Principles of Marketing            | Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết căn bản về marketing, thị trường, khách hàng, và các khái niệm cơ bản khác. Mặt khác, môn học còn nhấn mạnh tầm quan trọng của marketing như một chức năng không thể thiếu trong kinh doanh, bộ phận marketing trong công ty sẽ thực hiện vai trò như một cầu nối giữa khách hàng và doanh nghiệp nhằm thỏa mãn khách hàng một cách tốt nhất từ đó đem lại lợi nhuận lâu dài cho doanh nghiệp.                                                                                                                          | 3 (2-1-0)                    |

| TT            | Mã HP                                    | Tên học phần                                            | Nội dung cần đạt được từng học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tín chỉ (LT-BT-TH) |
|---------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 16            | ELAW204                                  | Pháp luật kinh tế -<br>Economic -<br>Financial Law      | Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và nghiệp vụ cụ thể luật kinh tế cơ bản, địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, hợp đồng kinh tế, giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2 (1-1-0)             |
| 17            | BACU203                                  | Nguyên lý thống kê<br>- Principles of<br>Statistics     | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp điều tra thu thập thông tin thực tế về mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, phân tổ tổng hợp dữ liệu điều tra, tính toán các chỉ tiêu phân tích và phân tích thực trạng tình hình phát triển kinh doanh sản xuất – dịch vụ và kinh tế - xã hội hiện tại và dự báo phát triển trong tương lai.                                                                                                                                                                                                     | 3 (2-1-0)             |
| 18            | BACU101                                  | Quản trị học -<br>Management                            | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về khoa học quản lý, giúp người học có tư duy và dễ dàng học tiếp các môn học quản trị chuyên ngành. Môn Quản trị học gồm có những nội dung chính sau đây: Cơ sở lý luận và phương pháp luận của khoa học quản trị, Quá trình ra quyết định quản trị và đảm bảo thông tin cho các quyết định, Các chức năng quản trị với cách tiếp cận theo quá trình quản trị, gồm: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; Đổi mới các hoạt động quản trị để phù hợp với điều kiện biến đổi phức tạp, nhanh chóng của môi trường. | 2 (1-1-0)             |
| <b>II.2</b>   | Kiến thức cơ sở ngành-Major Core Courses |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |
| <b>II.2.1</b> | Kiến thức bắt buộc – Compulsory          |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |
| 19            | ACC101                                   | Tài chính - Tiền tệ -<br>Basics of Money<br>and Finance | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức hệ thống về thị trường tài chính, tiền tệ và chính sách tiền tệ quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Cụ thể, học phần sẽ đề cập đến: Tổng quan về tiền tệ và thị trường tài chính, sau đó đi sâu nghiên cứu từng bộ phận trong hệ thống tài chính như                                                                                                                                                                                                                                      | 2 (1-1-0)             |



| TT | Mã HP  | Tên học phần                               | Nội dung cần đạt được từng học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số tín chỉ (LT-BT-TH) |
|----|--------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|    |        |                                            | NHTW, NHTM và các tổ chức tài chính trung gian.v.v. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu vài nét cơ bản về lãi suất và lạm phát ở Việt Nam, chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước và một số vấn đề về tài chính quốc tế.                                                                                                                                                                                      |                       |
| 20 | ACC102 | Nguyên lý kế toán - Accounting Principles  | Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm và kiến thức cơ bản về kế toán làm cơ sở để học các học phần chuyên ngành. Nội dung của học phần bao gồm các khái niệm, nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, các thành phần của hệ thống kế toán như chứng từ, tài khoản, báo cáo kế toán.                                                                                                                    | 3 (2-1- 0)            |
| 21 | FIN211 | Tài chính công - Public Finance            | Học phần trang bị các lý luận cơ bản về tài chính công và các hoạt động tài chính của Chính phủ bao gồm huy động nguồn lực công thông qua thuế, chi tiêu công, ngân sách nhà nước và nợ công.                                                                                                                                                                                                                   | 3 (2 -1-0)            |
| 22 | FIN221 | Công nghệ Tài chính - Financial Technology | Học phần cung cấp các kiến thức căn bản về CNTT bao gồm vị trí, vai trò cũng như tác động CNTT đến đời sống kinh tế - xã hội; các ứng dụng của công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài chính, bao gồm trí tuệ nhân tạo, học máy, công nghệ chuỗi khối và dữ liệu lớn; tác động của CNTT trong các hoạt động tài chính như đầu tư, ngân hàng, bảo hiểm, quản lý tài sản.                                          | 3 (2-1-0)             |
| 23 | FIN222 | Bảo hiểm - Insurance                       | Học phần trang bị các lý luận cơ bản về bảo hiểm và hệ thống bảo hiểm. Giới thiệu đối tượng bảo hiểm, hợp đồng và phương thức tính phí trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các công ty. Học phần giúp sinh viên có khả năng nắm bắt được các kiến thức cơ bản, để sau khi ra trường, sinh viên sẽ có hành trang vững vàng xử lý các vấn đề về nghiệp vụ bảo hiểm phát sinh trong doanh nghiệp mình quản lý. | 3 (2-1-0)             |

| TT            | Mã HP                                     | Tên học phần                                              | Nội dung cần đạt được từng học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số tín chỉ (LT-BT-TH) |
|---------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 24            | FIN311                                    | Thị trường chứng khoán - Stock Market                     | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, vai trò và chức năng của thị trường chứng khoán. Hiểu về cơ chế của hoạt động giao dịch mua bán chứng khoán. Có khả năng phân tích và định giá cơ bản các chứng khoán đang được mua bán trên thị trường.                                            | 2 (2-0-0)             |
| 25            | ECON207                                   | Kinh tế lượng - Econometrics                              | Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế lượng: mô hình hồi quy, ước lượng và kiểm định giả thiết, các khuyết tật đa cộng tuyến, tự tương quan, phương sai sai số thay đổi                                                                                                                        | 2 (1-1-0)             |
| <b>II.2.2</b> | <b>Kiến thức tự chọn – Elective Units</b> |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |
| 26            | ACC104                                    | Soạn thảo văn bản kinh doanh - Writing skills in Business | Học phần trang bị các kỹ năng soạn thảo văn bản trong kinh tế và kinh doanh bao gồm các văn bản quản lý hành chính, báo cáo kinh doanh, hợp đồng kinh tế - thương mại, hợp đồng dân sự, văn bản quản lý tổ chức doanh nghiệp, văn bản quản lý kinh tế doanh nghiệp.                                                     | 2 (1-1-0)             |
| 27            | BAEU305                                   | Văn hóa doanh nghiệp – Corporate Culture                  | Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản một cách hệ thống về văn hóa doanh nghiệp, kỹ năng về nghiên cứu và sử dụng yếu tố văn hóa trong kinh doanh nhằm tạo lập một môi trường ổn định và tích cực cho sự phát triển của doanh nghiệp, từ đó có khả năng phân tích và xây dựng văn hóa doanh nghiệp trên thực tế. | 2 (1-1-0)             |
| 28            | NS214                                     | Kỹ năng đàm phán - Negotiation Skills                     | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đàm phán và đàm phán trong kinh doanh, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng đàm phán để thành công trong công việc.                                                                                                                                       | 2 (1-1-0)             |
| <b>II.3</b>   | <b>Kiến thức ngành – Core Units</b>       |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |
| <b>II.3.1</b> | <b>Kiến thức bắt buộc – Compulsory</b>    |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |

| <b>TT</b> | <b>Mã HP</b> | <b>Tên học phần</b>                                    | <b>Nội dung cần đạt được từng học phần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Số tín chỉ (LT-BT-TH)</b> |
|-----------|--------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 29        | ACC427       | Tài chính doanh nghiệp - Corporate Finance             | Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến tài chính doanh nghiệp, mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời kỳ vọng, các phương pháp định giá chứng khoán và các công cụ tài chính phái sinh. Ngoài ra, học phần nhấn mạnh đến cấu trúc vốn, hệ thống đòn bẩy, chính sách chi trả cổ tức và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong doanh nghiệp.                                                                                                    | 3 (2-1-0)                    |
| 30        | ACC103       | Quản trị tài chính doanh nghiệp - Financial Management | Học phần trang bị kiến thức giúp sinh viên tiếp cận các vấn đề liên quan đến quản trị tài chính trong một doanh nghiệp điển hình. Thông qua các dạng bài tập quản trị tài chính sát thực với quá trình hoạt động của doanh nghiệp, học phần giúp sinh viên có khả năng nắm bắt được các kiến thức cơ bản trong việc xem xét các nguồn lực tài chính sẵn có cho một tổ chức và phương pháp sử dụng chúng để đạt được mục tiêu kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị vốn chủ sở hữu. | 3 (2-1-0)                    |
| 31        | FIN212       | Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - English for Finance | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trong việc sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành cần thiết để phục vụ cho công việc tương lai cũng như khả năng nghiên cứu các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh. Học phần sẽ tập trung vào các chủ đề, lĩnh vực thường gặp trong lĩnh vực tài chính để từ đó sinh viên có thể phát triển khả năng ngôn ngữ chuyên ngành và làm quen với những từ mới thường được sử dụng trong hoạt động Tài chính của doanh nghiệp.       | 3 (2-1-0)                    |
| 32        | FIN312       | Tài chính quốc tế - International Finance              | Học phần cung cấp cho sinh viên thuộc tất cả các chuyên ngành một tổng quan về các khía cạnh vĩ mô của tài chính quốc tế, tức là giới thiệu về môi trường vĩ mô mà các công ty đa quốc gia đang hoạt động. Môn học giới thiệu các nội dung cơ bản về tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán quốc tế, thị trường tài chính quốc tế,                                                                                                                                                 | 3 (2-1-0)                    |

| <b>TT</b> | <b>Mã HP</b> | <b>Tên học phần</b>                                                  | <b>Nội dung cần đạt được từng học phần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Số tín chỉ (LT-BT-TH)</b> |
|-----------|--------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|           |              |                                                                      | hệ thống tiền tệ quốc tế, các định chế tài chính quốc tế và các cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                              |
| 33        | FIN313       | Phân tích tài chính - Financial Analysis                             | Học phần này nhằm giúp người học hiểu hơn về các Báo cáo tài chính, qua đó phát triển khả năng của người học trong việc nhìn nhận, đánh giá về tình hình tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho việc xử lý và ra quyết định của các đối tượng liên quan đến doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, học phần đề cập đến nội dung cơ bản về phân tích tài chính trong các doanh nghiệp (phương pháp, kỹ năng phân tích tài chính chủ yếu...). Vận dụng những kiến thức này người học sẽ phân tích được tình hình tài chính của tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế. | 3 (2-1-0)                    |
| 34        | FIN321       | Phân tích và đầu tư chứng khoán - Securities Analysis and Investment | Học phần trang bị các phương pháp phân tích, định giá, và đầu tư vào cổ phiếu; các tài sản có thu nhập cố định, các tài sản phái sinh, và các loại tài sản khác. Sinh viên cần nắm được những vấn đề cơ bản về các loại cổ phiếu, trái phiếu, tài sản phái sinh, và các tài sản khác. Hiểu bản chất và quy luật vận động của giá cổ phiếu, trái phiếu, tài sản phái sinh, và các loại tài sản khác. Vận dụng những kỹ thuật và phương pháp cơ bản để xác định giá trị của cổ phiếu, trái phiếu, tài sản phái sinh, và các tài sản khác.                                             | 3 (2-1-0)                    |
| 35        | FIN322       | Chuyên đề tài chính doanh nghiệp - Seminars in Corporate Finance     | Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chuyên sâu liên quan đến tài chính doanh nghiệp, bao gồm lý thuyết về thị trường hiệu quả, mua lại và sáp nhập, kiệt quệ tài chính và các vấn đề tài chính doanh nghiệp hiện nay ở Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3 (2-1-0)                    |

| TT            | Mã HP                                     | Tên học phần                                   | Nội dung cần đạt được từng học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tín chỉ (LT-BT-TH) |
|---------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 36            | FIN323                                    | Thuế - Taxation                                | Học phần trang bị các lý luận cơ bản về thuế và hệ thống thuế; các nguyên lý và phương pháp đánh thuế. Giới thiệu các loại thuế chủ yếu trong hệ thống thuế của Việt Nam như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong quá trình nghiên cứu môn học quản trị tài chính. | 3 (2-1-0)             |
| 37            | FIN411                                    | Thẩm định tài chính dự án - Project Evaluation | Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thiết lập và thẩm định một dự án đầu tư đồng thời cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức về phân tích ngân lưu của một dự án, các quan điểm khác nhau trong thẩm định dự án đầu tư, đánh giá rủi ro của một dự án.                                                                                                                                            | 3 (2-1-0)             |
| 38            | FIN412                                    | Định giá tài sản - Asset Valuation             | Tổng quan về thẩm định giá và nghề thẩm định giá. Cung cấp kiến thức cơ bản, các khái niệm, nguyên tắc và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường. Các phương pháp định giá máy móc thiết bị, định giá bất động sản và xác định giá trị doanh nghiệp.                                                                                                                             | 3 (2-1-0)             |
| 39            | FIN413                                    | Tín dụng ngân hàng - Bank Credit               | Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc tổng hợp phân tích đánh giá lựa chọn khách hàng vay vốn thích hợp với ngân hàng, đồng thời nhận định nguyên nhân, nhu cầu vay vốn của khách hàng để xây dựng và tổ chức cấp tín dụng phù hợp. Học phần này đề cập đầy đủ về quy trình cấp tín dụng cho khách hàng, nghiệp vụ bảo đảm tín dụng và nội dung phân tích tín dụng.              | 3 (2-1-0)             |
| <b>II.3.2</b> | <b>Kiến thức tự chọn – Elective Units</b> |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |
| 40            | FIN314                                    | Quản trị dòng tiền - Cash Management           | Học phần được thiết kế nhằm làm rõ bản chất của dòng tiền trong đầu tư dự án, các phương pháp lập dự toán ngân sách và quản trị chi phí                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3 (2-1-0)             |

| <b>TT</b> | <b>Mã HP</b> | <b>Tên học phần</b>                                                     | <b>Nội dung cần đạt được từng học phần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Số tín chỉ (LT-BT-TH)</b> |
|-----------|--------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|           |              |                                                                         | của dự án, chỉ ra nội dung phân tích tài chính dự án, phân tích tác động của lạm phát đến dòng tiền của dự án và đưa ra các phương pháp phân tích rủi ro trong quản trị dòng tiền của dự án đầu tư làm cơ sở cho đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư của doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                          |                              |
| 41        | FIN315       | Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh - Artificial Intelligence in Business | Học phần cung cấp những kiến thức về quản trị vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng các phương thức và quản trị vận tải đa phương tiện. giúp sinh viên có được kỹ năng lựa chọn các phương thức vận chuyển hàng hóa quốc tế trên cơ sở những tiêu chí xác định và kỹ năng hoạch định, tổ chức thực hiện hoạt động vận chuyển hàng hóa quốc tế, giám sát và điều hành quy trình vận chuyển hàng hóa quốc tế sao cho hiệu quả tối ưu.                                | 3 (2-1-0)                    |
| 42        | BACU206      | Thương mại điện tử căn bản - Fundamentals of Electronic Commerce        | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử như: khái niệm, lợi ích, xu hướng phát triển trong tương lai, các điều kiện vật chất, kỹ thuật và pháp lý triển khai thương mại điện tử trong doanh nghiệp, các rủi ro và phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử, giao dịch điện tử, phương thức và hình thức thương mại điện tử trong doanh nghiệp, cách thức triển khai dự án thương mại điện tử trong doanh nghiệp. | 2 (1-1-0)                    |
| 43        | BAEU201      | Khởi nghiệp - Business Startup                                          | Học phần được cập nhật phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới và Việt Nam, đáp ứng nhu cầu chủ trương của nhà nước và các trường đại học về đào tạo Khởi nghiệp. Học phần nghiên cứu những nội dung chính sau: Môi trường kinh doanh, tổ chức, kỹ năng cần có của chủ doanh nghiệp; các phương pháp lựa chọn ý tưởng kinh doanh, nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi sự.                                                           | 2 (2-1-0)                    |

| <b>TT</b> | <b>Mã HP</b> | <b>Tên học phần</b>                                                | <b>Nội dung cần đạt được từng học phần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Số tín chỉ (LT-BT-TH)</b> |
|-----------|--------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 44        | FIN324       | Quản trị tài chính quốc tế -<br>Multinational Financial Management | Học phần sẽ cung cấp các kiến thức tổng quan về các yếu tố quốc tế tác động lên hoạt động của các công ty quốc tế, bao gồm yếu tố tỉ giá, giá cả hàng hóa quốc tế, lãi suất, lạm phát thông qua trình bày các vấn đề vĩ mô như Cán cân thanh toán quốc tế, Các điều kiện cân bằng quốc tế, Hệ thống tiền tệ quốc tế. Tiếp theo, môn học sẽ đi sâu vào các vấn đề vi mô của quản lý tài chính công ty quốc tế bao gồm Quản trị rủi ro tỉ giá, Tài trợ quốc tế, và Các thị trường tài chính quốc tế.                                                  | 2 (2-1-0)                    |
| 45        | FIN325       | Thanh toán quốc tế - International Payment                         | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về hợp đồng ngoại thương, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế, cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế và cách kiểm tra bộ chứng từ và xử lý tình huống tranh chấp phát sinh trong các giao dịch thương mại và dịch vụ quốc tế.                                                                                                                                                                                | 2 (2-1-0)                    |
| 46        | ACC401       | Kế toán quản trị - Managerial Accounting                           | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho lập kế hoạch, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định trong các tình huống khác nhau tại doanh nghiệp. Học phần này dựa trên các tiêu chí về lợi ích và chi phí và tác động của thông tin kế toán đến hành vi của các nhà quản trị trong việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu chiến lược. Sinh viên sẽ được học cách thức tạo ra các thông tin hỗ trợ các nhà quản trị trong quá trình ra quyết định tại doanh nghiệp. | 3 (2-1-0)                    |
| 47        | ACC303       | Kiểm toán căn bản - Principles of Auditing                         | Đây là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán tổng hợp. Mục tiêu của học phần là cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến nội dung kiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3 (2-1-0)                    |

| <b>TT</b> | <b>Mã HP</b> | <b>Tên học phần</b>                                   | <b>Nội dung cần đạt được từng học phần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Số tín chỉ (LT-BT-TH)</b> |
|-----------|--------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|           |              |                                                       | toán bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, quy trình kiểm toán, các phương pháp, kỹ thuật được vận dụng trong kiểm toán, cơ cấu tổ chức trong các hãng kiểm toán và các dịch vụ khác mà kiểm toán cung cấp. Đồng thời cung cấp kiến thức về các vấn đề thực tiễn chuyên ngành liên quan đến hành nghề bao gồm cả đạo đức, tính chuyên nghiệp, môi trường các vấn đề pháp lý khác.                                                      |                              |
| 48        | FIN326       | Chứng khoán phái sinh - Derivatives                   | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh. Người học sẽ được trang bị những kiến thức về các loại chứng khoán phái sinh, cách thức giao dịch thị trường phái sinh và định giá từng công cụ phái sinh trên thị trường.                                                                                                                                                                                                         | 3 (2-1-0)                    |
| 49        | FIN414       | Đầu tư thay thế - Alternative Investments             | Học phần đề cập đến nguyên tắc cơ bản của đầu tư thay thế; xác định được đầu tư thay thế là gì; mục tiêu đầu tư thay thế; các loại tài sản thay thế và các công cụ, kỹ thuật được sử dụng để đánh giá rủi ro, hoàn vốn của từng loại tài sản. Nội dung môn học nghiên cứu nền tảng của đầu tư thay thế, sau đó nghiên cứu từng loại đầu tư thay thế và phương pháp phân tích từng loại; từ đó ứng dụng vào quy trình đầu tư và quản lý rủi ro để thêm các khoản đầu tư thay thế vào danh mục đầu tư truyền thống. | 3 (2-1-0)                    |
| 50        | FIN415       | Quản trị rủi ro tài chính - Financial Risk Management | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về rủi ro tài chính, từ đó có thể hiểu rõ và nhận diện các hình thái rủi ro cũng như ước lượng được các rủi ro đó. Cụ thể, sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về các loại hình rủi ro tài chính, các chỉ số đo lường và phương pháp quản trị rủi ro phổ biến. Môn học                                                                                                                                                                                 | 3 (2-1-0)                    |



| TT          | Mã HP                                                                     | Tên học phần                                                       | Nội dung cần đạt được từng học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số tín chỉ (LT-BT-TH) |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|             |                                                                           |                                                                    | cung cấp kiến thức sâu hơn về các rủi ro phổ biến, bao gồm rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động. Ngoài ra, sinh viên cũng được trang bị kiến thức về các thông lệ quốc tế trong quản trị rủi ro tài chính (Basel).                                                                                                                                    |                       |
| 51          | FIN416                                                                    | Phân tích dữ liệu tài chính với R - Financial Data Analysis with R | Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc ứng dụng công cụ kinh tế lượng trong phân tích, đánh giá các mô hình tài chính liên quan tới định giá tài sản, hồi quy đa biến và kiểm định giả thiết, biến loại trừ và thiết lập mô hình, mô hình hóa chuỗi dữ liệu thời gian.                                                                                 | 3 (2-1-0)             |
| 52          | FIN417                                                                    | Mua bán và sáp nhập - Merger and Acquisition                       | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mua bán và sáp nhập công ty (M&A), những chiến lược căn bản trong thu tóm và sáp nhập doanh nghiệp, hiểu rõ những vấn đề có tính ứng dụng cao về mặt kinh tế, tài chính và quản trị của hoạt động thu tóm, sáp nhập đối với một doanh nghiệp                                                                                      | 3 (2-1-0)             |
| 53          | BACU316                                                                   | Quản trị chiến lược - Strategy Management                          | Học phần nghiên cứu quá trình quản trị chiến lược tại các doanh nghiệp. Đây là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cách thức lập kế hoạch dài hạn, tổng quát trong doanh nghiệp, giúp người học hiểu được quá trình hình thành chiến lược, cách thức hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. | 3 (2-1-0)             |
| <b>II.4</b> | <b>Thực tập và học phần tốt nghiệp - Internship and Graduation Thesis</b> |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                       |
| 54          | FIN421                                                                    | Thực tập nghề nghiệp - Internship                                  | Sinh viên được đi thực tập thực tế các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính để tìm hiểu công việc thực tế của cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng cũng như tìm tài liệu phục vụ cho làm khóa luận tốt nghiệp.                                                                                                                                                                | 3 (0-0-3)             |

| <b>TT</b>                       | <b>Mã HP</b> | <b>Tên học phần</b>                    | <b>Nội dung cần đạt được từng học phần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Số tín<br/>chỉ (LT-<br/>BT-TH)</b> |
|---------------------------------|--------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 55                              | FIN422       | Khóa luận tốt nghiệp - Graduate Thesis | Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức và lý thuyết chuyên ngành được học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp; thực hành kỹ năng nghề nghiệp gắn với gắn với chuyên ngành được đào tạo và rèn luyện kỹ năng cũng như thái độ làm việc chuyên nghiệp; phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp trong tương lai sau tốt nghiệp. Kết thúc Học phần, sinh viên cần nộp một bản báo cáo kết quả nghiên cứu thực tế dưới hình thức 1 cuốn KLTN và bảo vệ trước Hội đồng chấm KLTN. |                                       |
| <b>Tổng cộng (I + II)-Total</b> |              |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>130</b>                            |

**TRƯỞNG KHOA**

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**TS. Đỗ Văn Quang**

**TS. Lê Thanh Phương**